

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH VĂN DIỆN

PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 62 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2016

Công trình được hoàn thành tại

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học **PGS.TS. Trần Đình Hảo**

Phản biên 1: GS.TS. Nguyễn Thị Mơ

Phản biên 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Thương Huyền

Phản biên 3: TS. Phạm Sỹ Trung

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học
viện họp tại.....

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế Thu nhập cá nhân ra đời tương đối sớm ở các nước phát triển và đang áp dụng rộng rãi ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được ban hành vào tháng 12 năm 1990 và được sửa đổi bổ sung nhiều lần đã góp phần tăng thu ngân sách nhà nước. Trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương áp dụng thuế thu nhập cá nhân thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển kinh tế xã hội. Luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam, được Quốc hội ban hành từ năm 2007 và sửa đổi, bổ sung vào năm 2012 (có hiệu lực từ 01/7/2013). Tuy nhiên, pháp luật thuế thu nhập cá nhân vẫn còn một số bất cập, chưa kiểm soát tốt tình trạng trốn thuế, lách thuế đối với một số đối tượng, chưa tạo được sự thuận lợi cho người nộp thuế, chưa thật sự công bằng giữa các đối tượng nộp thuế.

Thành phố Cần Thơ với vị trí địa lý là trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, là đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Về kinh tế - xã hội có sự phát triển khá trong vùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm từ năm 2010 đến 2015 đạt 12%/năm, thu nhập bình quân đầu người cao hơn trung bình cả nước, là địa phương có đóng góp cho ngân sách Trung ương. Ngành thuế Tp.Cần Thơ có nhiều cố gắng trong việc tổ chức quản lý thu thuế trong đó có thuế thu nhập cá nhân góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi pháp luật thuế TNCN cũng còn một số khó khăn, việc trốn thuế, lách thuế vẫn còn diễn ra dẫn đến thất thu ngân sách trên địa bàn.

Xuất phát từ tình hình đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài **Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân từ thực tiễn thành phố Cần Thơ** để làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành luật kinh tế là cần thiết có ý nghĩa thực tiễn, khoa học và không trùng với các công trình nghiên cứu, luận văn, luận án đã được công bố trước đây.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Nghiên cứu lý luận về pháp luật thuế thu nhập cá nhân, thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam và thực tiễn thực thi ở thành phố Cần Thơ, những bất cập của pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam và thực tiễn thực thi ở thành phố Cần Thơ, kiến nghị hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân và việc tổ chức thực thi ở thành phố Cần Thơ.

Luận án có nhiệm vụ: Nghiên cứu có hệ thống cơ sở lý luận về pháp luật thuế thu nhập cá nhân; đánh giá thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam; phân tích thực tiễn thi hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ; kiến nghị hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là lý luận pháp luật thuế thu nhập cá nhân, thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam cũng như thực tiễn thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ.

Luận án giới hạn ở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về pháp luật thuế thu nhập cá nhân. Nội dung phân tích quy định pháp luật về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, giảm trừ gia cảnh, thuế suất và những quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế thu nhập cá nhân; Thực tiễn thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận và phương pháp luận; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về ngân sách Nhà nước; lý luận về tài chính công, về thuế.

Đề tài sử dụng các phương pháp cơ bản, phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội, gồm: Phương pháp lịch sử và logic; Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp thống kê...

5. Những đóng góp mới của luận án:

Thứ nhất: Luận án đã khái quát và hệ thống hóa được quá trình hình thành, phát triển pháp luật thuế TNCN và tình hình nghiên cứu pháp luật thuế TNCN của một số nước trên thế giới và của Việt Nam. Về cơ sở lý luận về pháp luật thuế TNCN, Luận án đã phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò thuế của TNCN. Trên cơ sở này, Luận án đã phân tích làm rõ chủ thể nộp thuế, đối tượng chịu thuế, giảm trừ gia cảnh, thuế suất thuế TNCN, cách thức tổ chức thực hiện pháp luật thuế TNCN và các nhân tố tác động tới việc thực thi pháp luật thuế TNCN.

Thứ hai: Luận án phân tích, đánh giá một cách có hệ thống và toàn diện thực trạng thực thi pháp luật thuế TNCN của Việt Nam, phân tích sâu thực trạng thực thi pháp luật thuế TNCN ở Tp.Cần Thơ. Thông qua thực tiễn thi hành pháp luật thuế TNCN ở Tp.Cần Thơ, Luận án đã làm rõ những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của pháp luật thuế TNCN như đối tượng chịu thuế, các khoản thu nhập chịu thuế, thuế suất, đăng ký thuế TNCN.

Thứ ba: Luận giải và đề xuất cụ thể, toàn diện các giải pháp nhằm đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện pháp luật thuế TNCN về đối

tượng chịu thuế, thuế suất, khai thuế, khấu trừ thuế, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật thuế TNCN. Công tác quản lý thuế TNCN cần được tăng cường để pháp luật thuế TNCN đi vào cuộc sống, đảm bảo đúng mục tiêu của thuế TNCN là đảm bảo công bằng xã hội, điều tiết thu nhập của mọi tầng lớp dân cư một cách hợp lý, bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, góp phần tăng tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực, các nước có điều kiện tương đồng với nước ta, phù hợp với xu thế cải cách thuế và thông lệ quốc tế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của luận án về lý luận sẽ là những luận cứ khoa học của pháp luật thuế thu nhập cá nhân và thực tiễn sẽ là những bài học về tổ chức thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ.

Luận án sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập về thuế thu nhập cá nhân; là tài liệu tham khảo hữu ích cho công chức ngành thuế và nhân dân quan tâm đến thuế thu nhập cá nhân.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu chủ yếu gồm 04 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Các công trình khoa học trong nước và quốc tế đã nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến lý luận về thuế và pháp luật thuế thu nhập cá nhân: “Tài chính công”, “Bản chất của thuế - sự tiếp cận từ các học thuyết thuế cổ điển và hiện đại”, “Thuế thu nhập cá nhân - Những vấn đề cơ bản và kinh nghiệm ở một số nước”, “Nguyên tắc công bằng trong pháp luật thuế thu nhập cá nhân”, “Thuế ở các nước đang phát triển”, đã đề cập đến bản chất của thuế, các học thuyết về thuế, khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế thu nhập cá nhân.

Về thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân: nhiều tài liệu đề cập đến như “Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao – thực trạng và giải pháp”, “Thực trạng áp dụng pháp luật thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao từ thực tiễn thuế đối với nghệ sỹ”, “Suy nghĩ về cách thu thuế thu nhập cá nhân”, “Thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay và phương hướng hoàn thiện”, “Những vấn đề đặt ra khi thực thi Luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam”, “Quản lý thuế ở Việt Nam- Hoàn thiện và đổi mới”. Các công trình này nghiên cứu thực trạng pháp luật thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, kiến nghị hoàn thiện các biện pháp tổ chức thu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, phương hướng xây dựng Luật thuế thu nhập cá nhân thay cho pháp lệnh thuế thu nhập cao tại thời điểm bấy giờ.

Về tổ chức thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ có công trình nghiên cứu về “Một số biện pháp quản lý

thu thuế và lệ phí góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ”. Công trình này nghiên cứu vấn đề thực thi một số sắc thuế và lệ phí, qua đó đề xuất các biện pháp góp phần tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu về đề tài và những vấn đề liên quan đến đề tài

Nhóm vấn đề lý luận về pháp luật thuế thu nhập cá nhân chỉ ra lý thuyết về thuế, bản chất của thuế và trốn thuế là không thể tránh khỏi ở các quốc gia, chưa đề cập đến nhiều vấn đề cụ thể chi tiết như: Khái niệm thuế thu nhập cá nhân, đặc điểm, vai trò của thuế thu nhập cá nhân, đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập cá nhân ... Nhóm vấn đề về thực trạng pháp luật thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao chỉ ra phương pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, đưa ra những đề xuất phương hướng xây dựng Luật thuế thu nhập cá nhân; chưa nêu được những nội dung mới về thu nhập chịu thuế, chiết trừ gia cảnh và thuế suất. Nhóm vấn đề về tổ chức thực hiện pháp luật thuế thu nhập ở thành phố Cần Thơ đã nêu được những nội dung từng sắc thuế trong đó có thuế thu nhập cá nhân và biện pháp tổ chức thực hiện pháp luật thuế nói chung, chưa phân tích thực trạng thi hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ

1.3. Cơ sở lý thuyết và câu hỏi nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết: Vận dụng phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; các quan điểm của Đảng về công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, về chính sách pháp luật thuế; đồng thời có vận dụng các lý

thuyết về thuế của các học giả thuộc trường phái cổ điển và hiện đại để làm rõ bản chất, vai trò của thuế nói chung trong đó có thuế thu nhập cá nhân; các lý thuyết về tài chính công và ngân sách nhà nước.

Câu hỏi nghiên cứu: (i) Về khía cạnh lý luận: Câu hỏi nghiên cứu: Thuế thu nhập cá nhân là gì? Thuế thu nhập cá nhân có những đặc điểm nào? Vai trò của thuế thu nhập cá nhân? Pháp luật thuế thu nhập cá nhân là gì? Pháp luật thuế thu nhập cá nhân ra đời từ khi nào? Pháp luật thuế thu nhập cá nhân có những đặc trưng gì?

- Câu hỏi nghiên cứu: Những nội dung điều chỉnh chủ yếu của pháp luật thuế thu nhập cá nhân là gì? Các nhân tố nào tác động tới việc thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân?

(ii) Về khía cạnh pháp luật thực định: Câu hỏi nghiên cứu: Pháp luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành ở Việt Nam thể hiện như thế nào? Quá trình thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ ra sao?

(iii) Đề xuất, kiến nghị

- Câu hỏi nghiên cứu: Với những tồn tại, bất cập nêu trên thì cần phải có quan điểm, phương hướng và giải pháp gì để sửa chữa, khắc phục nó?

Hướng tiếp cận của luận án: Trên cơ sở tập hợp, hệ thống các công trình liên quan pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam đã được công bố, kế thừa có chọn lọc trên cơ sở phân tích, đánh giá các kết quả nghiên cứu đó. Từ đó, đưa ra những quan điểm của mình về vấn đề nghiên cứu. Bên cạnh việc phân tích các quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam qua các thời kỳ, luận án còn chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập trong việc thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ để làm tiền đề cho những đề xuất, kiến nghị. Trên cơ sở quan điểm, phương

hướng đề ra, luận án đưa ra những đề xuất, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân và cơ chế thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở TP.Cần Thơ.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

2.1. Quá trình hình thành pháp luật thuế thu nhập cá nhân và khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế thu nhập cá nhân

Pháp luật thuế TNCN đã được ban hành từ rất sớm ở các nước phát triển. Đạo luật thuế thu nhập đầu tiên được ban hành ở Anh Quốc vào năm 1799 và đến năm 1874 được áp dụng lâu dài tại nước này. Đối với Hoa Kỳ, đạo luật thuế thu nhập đầu tiên được ban hành năm 1864 nhưng sau đó bị tạm dừng (năm 1872) vì bị cho là trái với Hiến pháp do thu trực tiếp đối với người dân dẫn đến việc các bang có số dân khác nhau phải nộp số thuế khác nhau. Đến năm 1913, việc thông qua Hiến pháp sửa đổi lần thứ 16 đã đặt cơ sở pháp lý cho việc áp dụng thuế thu nhập, đánh dấu bước chuyển biến về thuế ở quốc gia này. Các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển đều coi pháp luật thuế TNCN là một trong những sắc thuế có tầm quan trọng đặc biệt trong huy động nguồn thu ngân sách nhà nước, thực hiện phân phối công bằng xã hội và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Ở Việt Nam, đến tháng 12/1990, pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được ban hành, sau đó được sửa đổi bổ sung nhiều lần. Đến năm 2007, Luật thuế thu nhập cá nhân được ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2009 và sửa đổi bổ sung vào năm 2012 có hiệu lực từ ngày 01/7/2013.

Thu nhập được chia thành thu nhập công ty (thu nhập doanh nghiệp) và thu nhập cá nhân. Thu nhập cá nhân là một bộ phận rất quan trọng của tổng sản phẩm quốc dân của một quốc gia, bởi vì đại bộ phận thu nhập quốc dân, sau quá trình phân phối và phân phối lại sẽ được phân chia cho các thành viên trong xã hội dưới hình thức bằng tiền, bằng hiện vật hoặc các phúc lợi xã hội. Thuế thu nhập cá nhân là một loại thuế đánh vào thu nhập của cá nhân do Nhà nước ban hành thành luật và được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh của Nhà nước. Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của cá nhân, có diện đánh thuế rất rộng, thời gian tính thuế thường là một năm dương lịch đối với thu nhập thường xuyên hoặc từng lần phát sinh đối với thu nhập không thường xuyên, có tính đến khả năng nộp thuế của đối tượng nộp thuế và áp dụng thuế suất lũy tiến từng phần. Thuế thu nhập cá nhân có vai trò là nguồn thu cho ngân sách nhà nước, là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, là công cụ điều tiết công bằng xã hội và là công cụ để nhà nước thực hiện việc kiểm soát thu nhập của các tầng lớp dân cư.

2.2. Lý luận về pháp luật thuế thu nhập cá nhân

Pháp luật thuế thu nhập cá nhân quy định chủ thể nộp thuế, đối tượng chịu thuế, giảm trừ gia cảnh, thuế suất và tổ chức thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân như: đăng ký thuế, kê khai thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế thu nhập cá nhân, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp.

Hầu hết các nước trên thế giới xác định đối tượng nộp thuế TNCN dựa trên hai nguyên tắc đánh thuế, đó là: Nguyên tắc đánh thuế theo cư trú và nguyên tắc đánh thuế theo nguồn phát sinh thu nhập. Một cá nhân được coi là đối tượng cư trú tại một nước sẽ phải chịu thuế TNCN đối với toàn bộ thu nhập nhận được, không phân

biệt nguồn thu nhập phát sinh là ở trong nước hay nước ngoài. Một cá nhân được coi là đối tượng không cư trú chỉ phải chịu nghĩa vụ thuế đối với phần thu nhập có nguồn gốc tại nước đó. Đánh thuế theo nguồn phát sinh thu nhập là một cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân ở một nước đối với mọi khoản thu nhập của cá nhân phát sinh tại nước đó. Thu nhập chịu thuế là phần thu nhập quy định cơ sở đánh thuế thu nhập. Tùy theo chính sách thuế thu nhập của mỗi nước mà nội dung, phương pháp xác định các khoản thu nhập chịu thuế, các khoản miễn trừ có sự khác nhau. Thu nhập chịu thuế có các đặc điểm sau: Thứ nhất, tất cả các khoản thu nhập phát sinh dù bằng tiền hay hiện vật không phân biệt từ nguồn sản xuất kinh doanh hay lao động, đầu tư đều có thể xếp vào thu nhập chịu thuế sau khi trừ đi các khoản do pháp luật quy định không phải chịu thuế thu nhập. Thứ hai, thu nhập chịu thuế phải là thu nhập ròng nghĩa là thu nhập sau khi đã trừ đi các khoản chi phí để tạo ra nó và các khoản được phép giảm trừ. Thứ ba, việc xác định thu nhập chịu thuế phải khả thi cho công tác quản lý. Đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam được điều chỉnh phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam, phù hợp với khả năng nộp thuế và mục tiêu cải thiện cuộc sống cho các tầng lớp nhân dân. Giảm trừ gia cảnh, khi xác định các khoản thu nhập để đánh thuế thu nhập cá nhân, pháp luật thường cho phép khấu trừ những khoản chi phí nhất định. Các khoản chi phí này được quy định khác nhau tùy thuộc hoàn cảnh ở mỗi nước. Phần lớn các Luật thuế TNCN cho phép các khoản chiết trừ như sau: Chi phí y tế do người nộp thuế chịu; Chi phí nuôi dưỡng những người thân cần được trợ giúp; Các khoản đóng góp từ thiện của người nộp thuế vào các tổ chức từ thiện, các trường học và các đảng phái chính trị; Các thành viên của gia đình người nộp thuế; chi phí cho con cái tại các trường

phổ thông, cao đẳng và đại học; Chi phí cho bản thân người nộp thuế, cho vợ/chồng không có thu nhập. Thông thường, các khoản giảm trừ này chỉ áp dụng đối với các đối tượng cư trú mà không áp dụng đối với các đối tượng không cư trú và được tính theo hai dạng: Giảm trừ cho bản thân người nộp thuế và giảm trừ cho những người phụ thuộc. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân được áp dụng theo biểu thuế lũy tiến, căn cứ vào khả năng nộp thuế của các cá nhân nên người có thu nhập cao thì có nhiều khả năng nộp thuế cao hơn những người có thu nhập thấp và ngược lại. Quy định về thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân: Đăng ký thuế là việc người nộp thuế kê khai những thông tin của người nộp thuế theo mẫu và nộp tờ khai cho cơ quan thuế để bắt đầu thực hiện nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo các qui định của pháp luật. Nghĩa vụ kê khai thuế TNCN được thiết kế nhằm hỗ trợ cơ quan thuế theo dõi, giám sát người nộp thuế, thực hiện các thủ tục hành chính về khai thuế TNCN đầy đủ, đúng thời hạn. Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của đối tượng nộp thuế trước khi chi trả thu nhập. Nộp thuế thuế thu nhập cá nhân là việc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ tài chính của họ đối với Nhà nước. Số tiền thuế mà người nộp thuế nộp sẽ dựa vào số thuế người nộp thuế đã kê khai hoặc do cơ quan thuế ấn định. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân khi tổ chức, cá nhân trả thu nhập; cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh; cá nhân cư trú kinh doanh chứng khoán nộp thuế theo mức thuế suất 20% có trách nhiệm phải khai quyết toán thuế năm, trừ một số trường hợp đặc thù. Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên thì tự thực hiện quyết toán thuế TNCN, không được ủy quyền quyết toán thay. Hoàn thuế thu nhập cá nhân là một khâu trong quy trình quản lý thuế nói chung,

thuế TNCN nói riêng. Việc giải quyết hoàn thuế nhanh gọn, đúng chính sách sẽ là động lực góp phần kích thích tính tự giác thực hiện nghĩa vụ của NNT, đồng thời thể hiện tính chuyên nghiệp của ngành thuế cũng như của công chức thuế. Thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý vi phạm pháp luật thuế thu nhập cá nhân và giải quyết tranh chấp. Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế thường được tiến hành trước khi người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, gọi là cơ chế “tiền kiểm”. Gần đây đã chuyển từ cơ chế “tiền kiểm” sang cơ chế “hậu kiểm”, theo đó cơ quan quản lý thuế chỉ tiến hành thanh tra, kiểm tra sau khi người nộp thuế đã tự thực hiện các thủ tục chính yếu của quá trình quản lý thuế như đăng ký thuế, kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế hay xin miễn giảm thuế. Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thuế có thể được giải quyết ở giai đoạn tiền tố tụng (giải quyết bằng thủ tục hành chính) hoặc ở giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc lựa chọn tòa án nào để giải quyết các tranh chấp về thuế, vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước khác trên thế giới.

2.3. Các nhân tố tác động tới việc thực thi PL thuế TNCN

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế thu nhập cá nhân trong nhân dân; tổ chức bộ máy và cán bộ công chức ngành thuế đủ mạnh về số lượng và chất lượng, đặc biệt là trình độ và đạo đức phẩm chất một nhân tố giữ vai trò then chốt trong việc tham mưu để Nhà nước ban hành pháp luật thuế TNCN và tổ chức thực thi pháp luật thuế TNCN; cơ sở vật chất phù hợp để ngành thuế triển khai tổ chức thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN CỦA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

3.1. Thực trạng pháp luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam

Pháp luật thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 1990 xác định đối tượng nộp thuế là Công dân Việt Nam và người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam ... đều phải nộp thuế thu nhập”. Đến năm 2007, Luật thuế thu nhập cá nhân quy định đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế ... phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế ... phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Đối tượng chịu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 1990 gồm có thu nhập thường xuyên là các khoản thu nhập phát sinh thường xuyên, có tính chất đều đặn và ổn định trong năm và thu nhập không thường xuyên là các khoản thu nhập phát sinh theo từng lần, từng đợt riêng lẻ, không có tính chất đều đặn. Luật thuế TNCN năm 2007 quy định 10 loại thu nhập chịu thuế: Thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ nhận thừa kế; thu nhập từ nhận quà tặng. Thuế suất thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 1990 gồm 6 bậc từ 0%, 10%, 20%, 30%, 40% và 50% áp dụng đối với thu nhập thường xuyên của Công dân Việt Nam, cá nhân khác định cư tại Việt Nam, Người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam; đối với thu nhập không thường xuyên áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần có 6 bậc từ 0%,

5%, 10%, 15%, 20% và 30%; riêng đối với thu nhập về chuyển giao công nghệ trên 1,5 triệu đồng/lần được tính theo tỷ lệ thống nhất 5%; thu nhập trúng thưởng xổ số trên 10 triệu đồng/lần được tính theo tỷ lệ thống nhất 10%. Từ năm 1994 đến năm 2004, thuế suất không có thay đổi nhiều. Từ năm 2009 đến nay, biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập tính thuế từ kinh doanh, tiền lương, tiền công có 7 bậc từ 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30% và 35%; biểu thuế toàn phần áp dụng đối với thu nhập tính thuế: Thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại: 5%; thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ thừa kế, quà tặng: 10%; thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 20%; thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán không xác định được giá mua và chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán: 0,1%; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: 25% và 2%. Giảm trừ gia cảnh ở Việt Nam, xuất phát từ nền kinh tế và thu nhập của các tầng lớp dân cư còn thấp nên khi ban hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 1990 chưa quy định về giảm trừ gia cảnh, chỉ quy định công dân Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam có thu nhập thường xuyên bình quân tháng đến 500.000 đồng áp dụng thuế suất 0%, người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam bình quân tháng đến 2.400.000 đồng áp dụng thuế suất 0%; đến năm 2004 điều chỉnh: đối với người Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam có thu nhập bình quân tháng đến 5.000.000 đồng và người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam bình quân tháng đến 8.000.000 đồng áp dụng thuế suất 0%. Trên cơ sở tham khảo các nước và tình hình thực tế ở Việt Nam, Luật thuế TNCN năm 2007 quy định mức giảm trừ gia cảnh: Đối với bản thân

người nộp thuế được giảm trừ 4 triệu đồng/tháng, người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/1 người/tháng. Luật số sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định mức giảm trừ cho bản thân NNT là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm) và mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng. Như vậy, mức giảm trừ gia cảnh ở Việt Nam có kế thừa những quy định của pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, tham khảo kinh nghiệm các nước có nền kinh tế tương đồng và chú ý đến giá cả, thu nhập của từng đối tượng chịu thuế TNCN.

Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú, tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công; kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ thừa kế, thu nhập từ quà tặng; kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

3.2. Thực trạng thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ

Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân được thực hiện ở thành phố Cần Thơ. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Thực hiện các quy định của pháp luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thuế, các đối tượng nộp thuế thu

nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế. Cục thuế và các chi cục thuế trên địa bàn thành phố Cần Thơ tiếp nhận việc đăng ký thuế TNCN của các tổ chức chi trả thu nhập và cá nhân như sau: Năm 2008, thành phố Cần Thơ có 6.552 đối tượng nộp thuế đăng ký thuế, cuối năm 2009, thành phố Cần Thơ tiếp nhận 30.924 đối tượng nộp thuế TNCN nộp hồ sơ đăng ký thuế. Từ năm 2010 đến năm 2015, đối tượng nộp thuế TNCN đăng ký thuế ổn định, đến 31/12/2015 có 83.204 đối tượng nộp thuế TNCN đăng ký thuế, trong đó cá nhân là 41.636. .

Đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân và giảm trừ gia cảnh được thực hiện ở thành phố Cần Thơ. Theo quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành có 10 loại thu nhập chịu thuế TNCN nhưng đặc thù ở thành phố Cần Thơ chỉ phát sinh 4 loại thu nhập chịu thuế TNCN như sau: (1) Thu nhập chịu thuế TNCN từ sản xuất, kinh doanh được thực thi cụ thể ở thành phố Cần Thơ từ năm 2009 đến năm 2015 lần lượt như sau: 16.196 triệu đồng, 37.194 triệu đồng, 45.401 triệu đồng, 53.359 triệu đồng, 54.714 triệu đồng, 48.279 triệu đồng và 91.083 triệu đồng; chiếm tỷ lệ lần lượt là 09,09%, 13,87%, 12,07%, 13,68%, 12,84%, 12,72% và 19,17% trong tổng số thuế TNCN. (2) Thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công được thực thi ở thành phố Cần Thơ chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số thuế TNCN, cụ thể: Năm 2009 thu 67.504 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 37,92% trong tổng số thuế TNCN; đến năm 2015, thu 154.818 chiếm tỷ lệ 32,59% trong tổng số thuế TNCN; (3) Thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản do chi cục thuế cấp quận, huyện quản lý thu, cụ thể: Năm 2009, thu 64.527 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 36,25% trong tổng số thuế TNCN; đến năm 2015, thu 125.649 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 26,41% trong tổng số thuế TNCN; (4) Thu

nhập chịu thuế từ trúng thưởng được thực hiện chủ yếu ở cấp thành phố, cụ thể: Năm 2009, thu 26.104 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,66% trong tổng số thuế TNCN; đến năm 2015, thu 77.261 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 16,26% trong tổng số thuế TNCN; các loại thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, bản quyền, thừa kế phát sinh rất khiêm tốn; thuế thu nhập từ nhượng quyền thương mại và thu nhập từ nhận quà tặng không phát sinh. Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú. Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế. Người phụ thuộc là con chưa thành niên; con bị tàn tật, không có khả năng lao động; con đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề; vợ hoặc chồng không có khả năng lao động; bố, mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động; những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng. Qua hơn 3 năm thực hiện, giá cả tăng lên, đời sống của các tầng lớp dân cư gặp khó khăn; qua tham khảo kinh nghiệm một số nước, Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi, bổ sung năm 2012 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh lên 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm) cho người nộp thuế; và mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Các quy định về giảm trừ gia cảnh theo Luật thuế TNCN năm 2007 và Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi, bổ sung năm 2012 được thực thi đầy đủ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Thực hiện khai thuế, quyết toán và hoàn thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ. Năm 2009, nhận 935 tờ khai thuế; năm 2010,

nhận 1.968 tờ khai theo tháng và 1.232 tờ khai theo quý. Từ năm 2011 đến năm 2015, bộ phận một cửa của Cục thuế nhận 130.438 tờ khai thuế, quyết toán thuế. Qua quyết toán thuế TNCN cuối năm, đối với các trường hợp đã nộp thuế nhiều hơn số thuế phải nộp, cơ quan thuế và người nộp thuế thực hiện đầy đủ các thủ tục để hoàn thuế. Năm 2013, Cục Thuế ban hành 607 quyết định hoàn thuế cho các tổ chức và cá nhân, với số tiền đã hoàn 6.580 triệu đồng, trong đó, hoàn cho 56 tổ chức, số tiền 5.527 triệu đồng, hoàn cho 551 cá nhân, số tiền 1.053 triệu đồng. Năm 2014, Cục Thuế ban hành 847 quyết định hoàn thuế cho các tổ chức và cá nhân, với số tiền đã hoàn là 14.200 triệu đồng, trong đó, hoàn cho 84 tổ chức với số tiền là 12.548 triệu đồng, hoàn cho 763 cá nhân với số tiền là 1.652 triệu đồng. Năm 2015, ban hành 534 quyết định hoàn thuế, số thuế được hoàn là 9.758 triệu đồng, trong đó, hoàn cho 65 tổ chức và 469 cá nhân.

Thực hiện kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ: Thực hiện Quyết định số 2249/QĐ-TCT ngày 28/12/2012 của Tổng cục Thuế v/v giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra năm 2013; Quyết định số 88 và 89/QĐ-TCT ngày 10/02/2014 của Tổng cục Thuế về việc giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2014; và Quyết định số 2189/QĐ-TCT ngày 01/12/2014, Quyết định số 1519/QĐ-TCT ngày 21/8/2015 của Tổng cục Thuế V/v giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2015 cho Cục Thuế TP.Cần Thơ; Cục thuế xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra từ năm 2013 - 2015 là 2.944 đơn vị; kết quả thanh tra, kiểm tra thuế 2.371 đơn vị; xử lý truy thu và phạt vi phạm hành chính về thuế 95 tỷ.

3.3. Đánh giá pháp luật thuế thu nhập cá nhân qua thực tiễn thành phố Cần Thơ

Những thành tựu đã đạt được: Từ năm 2005 đến năm 2008, thực hiện pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao số thuế thu được lần lượt là 29 tỷ đồng, 44 tỷ đồng, 54 tỷ đồng và 82 tỷ đồng. Từ năm 2009 đến năm 2015, thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, thành phố Cần Thơ thu đạt kết quả lần lượt như sau: 178 tỷ đồng, 268 tỷ đồng, 376 tỷ đồng, 390 tỷ đồng, 425 tỷ đồng, 379 tỷ đồng và 475 tỷ đồng. Nhân tố tác động ảnh hưởng đến kết quả thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế thu nhập cá nhân; về tổ chức, cán bộ ngành thuế thành phố Cần Thơ và về cơ sở vật chất.

Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân: Quản lý đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân còn hạn chế; quản lý thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân còn vướng mắc; thực hiện giảm trừ gia cảnh còn bất cập; thực thi quy định về đăng ký thuế TNCN còn một số hạn chế; vướng mắc trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế TNCN. Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Tp.Cần Thơ: Nguyên nhân từ nền kinh tế; nguyên nhân từ người nộp thuế và công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật thuế thu nhập cá nhân của cơ quan thuế; nguyên nhân từ trình độ và đạo đức phẩm chất của cán bộ thuế; cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Chương 4

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

4.1. Quan điểm và định hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN phải được quy định phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Về định hướng của việc hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế TNCN: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; giảm chi phí, thời gian của người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế; thúc đẩy người nộp thuế thực hiện tốt cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp thuế. Tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý thuế TNCN nhằm chống thất thu, giảm nợ thuế TNCN, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế TNCN vào ngân sách Nhà nước. Thúc đẩy công tác hiện đại hóa hệ thống thuế, phù hợp với xu hướng hội nhập, thống nhất đồng bộ với các cam kết quốc tế. Tạo sự tập trung thống nhất, tích hợp và tự động hóa trong hoạt động quản lý thuế TNCN của cơ quan thuế; tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan tổ chức liên quan trong công tác quản lý thuế TNCN.

4.2. Kiến nghị hoàn thiện về pháp luật thuế thu nhập cá nhân

Việc phân biệt đối tượng cư trú và không cư trú chỉ nên giới hạn trong việc xác định các thủ tục hành chính thuế, không nên phân biệt về nghĩa vụ thuế. Khi đánh thuế đối với thu nhập từ thừa kế và quà tặng thì cũng phải đánh vào tất cả các tài sản. Việc xác định giá quyền sử dụng đất cũng cần phải dựa vào nguyên tắc thị trường như

đối với các bất động sản khác. Giảm trừ gia cảnh theo hướng không quy định cụ thể một mức giảm trừ gia cảnh mà nên tính theo lương tối thiểu đối với công chức nhân với một hệ số do luật định. Biểu thuế lũy tiến nên quy định mở rộng khoảng cách giữa các bậc thu nhập và hạ mức thuế suất khởi điểm nhằm động viên, khuyến khích cá nhân làm giàu hợp pháp và tăng khả năng thu hút nguồn lực nước ngoài, đảm bảo nền kinh tế phát triển và hội nhập quốc tế. Để phát hiện kịp thời các trường hợp cá nhân nộp thuế cố tình khai gian, khai trùng, khai không đúng về người phụ thuộc, cơ quan thuế phối hợp với đơn vị chi trả thu nhập và hội đồng tư vấn thuế phường, xã để kiểm soát và quản lý. Khẩu trừ thuế TNCN tại nguồn gắn liền với công tác cấp mã số thuế, Bộ tài chính và Bộ công an phối hợp khi cấp chứng minh nhân dân cho mỗi công dân từ 15 tuổi trở lên thì lấy số chứng minh nhân dân làm mã số thuế TNCN, vì chứng minh nhân dân và mã số thuế đều đi theo mỗi cá nhân suốt đời. Để khuyến khích tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện tốt hơn việc khấu trừ thuế TNCN tại nơi chi trả thu nhập nên có quy định cụ thể về quyền lợi tương ứng với nghĩa vụ mà tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập phải thực hiện. Thanh tra thuế có trách nhiệm phát hiện những đối tượng có hành vi chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế TNCN, những sai phạm từ cán bộ quản lý thuế TNCN, từ tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập, hạn chế các trường hợp thông đồng, cấu kết giữa cán bộ thuế với người nộp thuế. Việc xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế nên quy định theo mức lãi suất cho vay cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố và có hiệu lực tại thời điểm tính lãi.

4.3. Hoàn thiện cơ chế thực thi PL thuế TNCN

Hệ thống thông tin người nộp thuế TNCN cần phải đầy đủ các thông tin cơ bản như: thông tin về đăng ký thuế, kê khai thuế, quyết toán

thuế, thông tin về tình hình chấp hành pháp luật thuế và các thông tin khác có liên quan. Để kiểm soát được thu nhập dân cư, cơ quan thuế căn cứ vào những thông tin, dữ liệu được cung cấp bởi các cơ quan chi trả thu nhập; căn cứ vào thông tin từ các tổ chức, đơn vị có quan hệ kinh tế với các cá nhân để khai thác các nguồn thu nhập; dựa vào hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm chính quyền và hội đồng tư vấn thuế phường, xã để có được những thông tin về thu nhập của cá nhân. Để đảm bảo quản lý sát doanh số, chi phí và thu nhập của cá nhân kinh doanh, cơ quan thuế các cấp cần phối hợp chặt chẽ hơn với các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, từ các đơn vị kinh tế có quan hệ với các hộ kinh doanh, đặc biệt là phối hợp chặt chẽ hơn nữa với hội đồng tư vấn thuế phường, xã. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế thu nhập cá nhân trong nhân dân, tổ chức học tập quán triệt trong toàn Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

KẾT LUẬN

Trong phạm vi nghiên cứu, luận án đã giải quyết được những vấn đề cơ bản: *Một là*, khái quát và hệ thống hóa được quá trình hình thành, phát triển pháp luật thuế TNCN và tình hình nghiên cứu pháp luật thuế TNCN của một số nước trên thế giới và của Việt Nam. Phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò thuế của TNCN; khái niệm và đặc điểm của pháp luật thuế TNCN; phân tích làm rõ chủ thể nộp thuế, đối tượng chịu thuế, giảm trừ gia cảnh, thuế suất thuế TNCN; cách thức tổ chức thực hiện pháp luật thuế TNCN và các nhân tố tác động tới việc thực thi pháp luật thuế TNCN. *Hai là*, phân tích, đánh giá một cách có hệ thống và toàn diện thực trạng thực pháp luật thuế TNCN; phân tích, đánh giá về thực thi pháp luật thuế TNCN ở Tp.Cần Thơ, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong thực thi pháp luật thuế TNCN ở Tp.Cần Thơ. *Ba là*, trên cơ sở lý luận và thực tiễn, Luận án đề xuất toàn diện, cụ thể các giải pháp nhằm đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện pháp luật thuế TNCN về đối tượng chịu thuế, thuế suất, khai thuế, khấu trừ thuế, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật thuế TNCN. Công tác quản lý thuế TNCN cần được tăng cường để pháp luật thuế TNCN đi vào cuộc sống, đảm bảo đúng mục tiêu của thuế TNCN là đảm bảo công bằng xã hội, điều tiết thu nhập của mọi tầng lớp dân cư một cách hợp lý, bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, góp phần tăng tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực, các nước có điều kiện tương đồng với nước ta, phù hợp với xu thế cải cách thuế và thông lệ quốc tế.

DANH MỤC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ TRÊN TẠP CHÍ

1. Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện pháp luật về đăng ký, kê khai thuế thu nhập cá nhân và một số kiến nghị. Tạp chí Tòa án nhân dân. Số 9-2016, trang 29-31.

2. Thực thi pháp luật Thuế Thu nhập cá nhân ở thành phố Cần Thơ. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Số tháng 6 (291) năm 2016, trang 61-64.